



Mã nhận dạng 02516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi

001_DH17CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			6.0	7.5	6.0	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT			8.0	9.0	9.0	8.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
3	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			8.0	8.0	6.0	7.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			6.0	6.0	3.0	4.5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			8.0	9.0	8.5	8.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
6	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT			8.0	9.0	10.0	9.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			8.0	8.5	10.0	9.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17115015	Huỳnh Thị Ngọc Diệu	DH17GB			8.0	6.0	0.0	3.4	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			8.0	8.0	9.0	8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK			8.0	7.0	6.5	7.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT			8.0	8.5	9.25	8.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
12	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT			8.0	7.5	8.0	7.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
13	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT			8.0	7.0	6.0	6.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
14	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD			6.0	7.5	4.0	5.5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			6.0	7.0	7.0	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
16	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			5.0	6.5	6.0	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			6.0	7.0	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
18	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT			8.0	8.0	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
19	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT			6.0	7.0	6.0	6.3	0012345678910	0123456789
20	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			8.0	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
21	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			8.0	8.5	9.0	8.7	0012345678910	0123456789
22	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			6.0	6.5	10.0	8.2	0012345678910	0123456789
23	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT			8.0	7.0	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
24	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			8.0	7.0	6.0	6.7	0012345678910	0123456789
25	17118036	Nguyễn Văn Hiếu	DH17CK			6.0	8.0	7.0	7.1	0012345678910	023456789
26	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT			8.0	6.5	10.0	8.6	0012345678910	0123456789
27	17118038	Đỗ Thanh Hoàng	DH17CK			8.0	6.0	5.0	5.9	0012345678910	0123456789
28	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT			6.0	7.0	6.0	6.3	0012345678910	0123456789
29	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			5.0	7.0	7.0	6.6	0012345678910	0123456789
30	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			8.0	9.0	6.0	7.3	0012345678910	0123456789
31	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			8.0	7.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
32	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mi	DH17CK			8.0	7.5	6.5	7.1	0012345678910	023456789



Mã nhận dạng 02516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi

001_DH17CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118061	Đào Phương	Nam	Nam		8.0	9.0	6.25	7.4	00123456●8910	0123●56789
34	17118062	Phạm Văn	Nam	Nam		8.0	8.0	4.5	6.3	0012345●78910	012●456789
35	17154057	Trần Văn Hoài	Nam	Nam		8.0	7.5	6.5	7.1	00123456●8910	0●23456789
36	17137050	Võ Tấn	Ngoan	Nam		8.0	8.0	10.0	9.0	0012345678●10	●123456789
37	17154059	Lê Huỳnh	Nhã	Nam		8.0	6.0	7.0	6.9	0012345●78910	012345678●
38	17154062	Hồ Tấn	Nhân	Nam		8.0	9.0	2.0	5.3	001234●678910	012●456789
39	17118068	Huỳnh Lê	Nhân	Nam		8.0	8.5	7.0	7.7	00123456●78910	0123456●89
40	17154065	Nguyễn Thành	Nhân	Nam		8.0	6.5	6.0	6.6	0012345●78910	012345●789
41	17115075	Bùi Thị Yến	Nhi	Nam		8.0	9.5	6.0	7.5	00123456●8910	01234●6789
42	17118074	Trần Long	Nhật	Nam		8.0	6.5	5.25	6.2	0012345●78910	01●3456789
43	17154069	Lê Văn Tấn	Phát	Nam		8.0	7.0	6.0	6.7	0012345●78910	0123456●89
44	17118076	Phan Lê Bảo	Phi	Nam		6.0	6.0	7.0	6.5	0012345●78910	01234●6789
45	17138039	Lê Quang	PHiếu	Nam		8.0	7.0	5.0	6.2	0012345●78910	01●3456789
46	17118081	Ngô Hoàng	Phúc	Nam		8.0	8.0	10.0	9.0	0012345678●10	●123456789
47	17118084	Đỗ Hữu	Phước	Nam		8.0	7.0	10.0	8.7	001234567●910	0123456●89
48	17154074	Đỗ Trung	Quân	Nam		8.0	7.0	9.0	8.2	001234567●910	01●3456789



Mã nhận dạng 02516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV201**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			8.0	7.0	10.0	8.7	001234567●910	0123456●89
50	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT			8.0	9.0	10.0	9.3	0012345678●10	012●456789
51	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			8.0	6.0	5.5	6.2	0012345●78910	01●3456789
52	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			8.0	7.0	7.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
53	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			8.0	8.0	7.5	7.8	00123456●8910	01234567●9
54	17154094	Huỳnh Phước Thạnh	DH17OT			8.0	6.5	10.0	8.6	001234567●910	012345●789
55	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL			8.0	7.0	10.0	8.7	001234567●910	0123456●89
56	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			2.0	7.0	1.5	3.3	0012●45678910	012●456789
57	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT			6.0	6.0	6.0	6.0	0012345●78910	●123456789
58	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT			8.0	8.5	5.5	6.9	0012345●78910	012345678●
59	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			8.0	6.0	6.0	6.4	0012345●78910	0123●56789
60	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL			8.0	7.0	5.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
61	17138056	Nguyễn Nhật Tiến	DH17TD			6.0	8.5	6.0	6.8	0012345●78910	01234567●9
62	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT			8.0	8.0	9.0	8.5	001234567●910	01234●6789
63	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			6.0	7.0	9.0	7.8	00123456●8910	01234567●9
64	17154108	Trần Văn Trà	DH17OT			6.0	9.0	10.0	8.9	001234567●910	012345678●



Mã nhận dạng 02516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV201**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17154110	Lê Thị Thảo	Trình	DH17OT		8.0	7.5	6.0	6.9	0012345●78910	012345678●
66	17118125	Ngô Tùng	Trung	DH17CK		8.0	7.0	5.0	6.2	0012345●78910	01●3456789
67	17118126	Nguyễn Thành	Trung	DH17CC		8.0	7.0	4.0	5.7	0012345●678910	0123456●89
68	17154113	Võ Thương	Trường	DH17OT		8.0	7.5	6.5	7.1	00123456●8910	0●23456789
69	17118130	Huỳnh Anh	Tú	DH17CK		8.0	6.0	6.0	6.4	0012345●78910	0123●56789
70	17154118	Lê Văn	Tùng	DH17OT		8.0	6.5	6.5	6.8	0012345●78910	01234567●9
71	17154119	Nguyễn Minh	Viễn	DH17OT		8.0	7.0	0.5	4.0	00123●5678910	●123456789
72	17118136	Đặng Thanh	Việt	DH17CK		8.0	7.0	8.5	8.0	001234567●910	●123456789
73	17118137	Lê Đình	Việt	DH17CK		6.0	7.0	7.0	6.8	0012345●78910	01234567●9
74	17154123	Lý Hoàng	Vũ	DH17OT		8.0	8.0	5.5	6.8	0012345●78910	01234567●9

Số sinh viên dự thi 13 Số sinh viên vắng 01

Ngày 20 Tháng 02 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng
Ngày in : 14/12/2018

Vũ Bá Xích

TS. Võ Văn Tiến

Nguyễn Thanh Dũng



Mã nhận dạng 02540

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

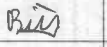
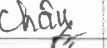
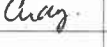
Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên										Tô điểm lẻ												
1	17137001	Nguyễn Xuân	An	DH17NL				2.1	4.6	6.7	0	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9
2	14115426	Lê Tấn	Anh	DH14GN				2.1	2.1	4.2	0	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9
3	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc	Anh	DH17CD			0.7	3	6.3	10	0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	17137003	Trịnh Tuấn	Anh	DH17NL				3	5.6	8.6	0	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9
5	17153003	Bùi Đình	Bắc	DH17CD				2.5	6	8.5	0	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9
6	17137004	Đặng Tiểu	Bình	DH17NL				1.5	6.3	7.8	0	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9
7	17118011	Nguyễn Hữu Huy	Bình	DH17CC				1.5	0.4	1.9	0	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●
8	15117006	Nguyễn Thị Bích	Châm	DH15CB				3	1.1	4.1	0	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9
9	14118008	Nguyễn Đăng	Châu	DH14CK				3	4.2	7.2	0	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9
10	15115013	Ngô Minh	Chí	DH15CB				1.5	6	7.5	0	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9
11	17137008	Nguyễn Đình	Chương	DH17NL				0.9	0.7	1.6	0	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9
12	17137009	Nguyễn Võ Quốc	Cường	DH17NL				3	2.1	5.1	0	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9
13	16130305	Nguyễn Chí	Cường	DH16CB				1.5	2.8	4.3	0	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9
14	14115170	Nguyễn Thành	Danh	DH14GN				/	/	/	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	17118016	Trần Khánh	Dân	DH17CC				3	6.7	9.7	0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9
16	17114008	Hà Thị Thuý	Diễm	DH17CB				3	5.6	8.6	0	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9



Mã nhận dạng 02540

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137014	Nguyễn Quang	Duy	Duy			3	6.8	9.8	0012345678●10	0123456●89
18	17137017	Tạ Triệu	Duy	MZ		0.5	1.5	6	8.0	001234567●910	●123456789
19	17115025	Nguyễn Nữ Kim	Duyên	Kim			2.8	4.6	7.3	00123456●8910	012●456789
20	17153012	Dương Tấn	Đạt	Đạt			3	6	9.0	0012345678●10	●123456789
21	15153008	Lê Bá Tiến	Đạt	Đạt			3	3.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
22	12115227	Nguyễn Viết	Đạt	Đạt			/	0	0.0	●012345678910	0123456789
23	15154014	Nguyễn Văn Giang	Đồng	Đuy			1.5	3.2	4.8	00123●5678910	0123456●89
24	16154019	Cao Văn	Đồng	Đồng			1.5	6.3	7.8	00123456●8910	01234567●9
25	17153014	Bùi Phú	Đức	Đức			2.2	1.8	4.0	00123●5678910	●123456789
26	15115033	Trần Châu	Giang				/	/	/	●012345678910	0123456789
27	16115214	Trần Thị Trúc	Giang	Trúc			1.5	1.8	3.3	0012●45678910	012●456789
28	17115026	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Ngọc			2.8	6.8	9.4	0012345678●10	0123●56789
29	17118032	Trần Hoàng	Hân	Hoàng			1.5	5.3	6.8	0012345●78910	01234567●9
30	17137019	Tô Công	Hậu	Công			1.5	5.6	7.1	00123456●8910	0●23456789
31	17115036	Nguyễn Đức	Hiếu	Đức			3	2.1	5.1	001234●678910	0●23456789
32	16115057	Phạm Thị Thu	Hòa	Hòa			1.5	3.9	5.4	001234●678910	0123●56789



Mã nhận dạng 02540

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD	Hoàng			3	4.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
34	17115041	Phạm Minh Hoàng	DH17GB	Minh			1.5	2.5	4.0	00123●5678910	●123456789
35	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL	Phước			1.2	1.4	2.6	001●345678910	012345●789

Số sinh viên dự thi 3? Số sinh viên vắng 2....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____



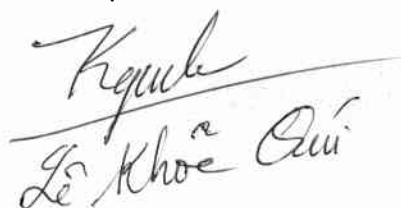
Cán bộ coi thi 1

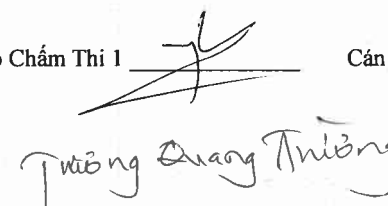
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2







Mã nhận dạng 02541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **002_DH17NL_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 1 %	Đ2 30 %	Điểm 7.5	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL				1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
2	15115068	Phạm Nguyễn Hoàng Huy	DH15CB				1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
3	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
4	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD				1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
5	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL			1	2.1	2.5	5.6	0012345678910	0123456789
6	17115047	Nguyễn Thị Thu Hường	DH17GN			1	3	2.8	6.8	0012345678910	0123456789
7	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL				1.5	0.8	2.2	0012345678910	0123456789
8	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL			1	2.1	5.6	8.8	0012345678910	0123456789
9	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD				2.4	4.6	7.0	0012345678910	0123456789
10	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
11	16154054	Nguyễn Trung Kiên	DH16OT				1.8	6.3	8.1	0012345678910	0123456789
12	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT				1.5	1.4	2.9	0012345678910	0123456789
13	16115253	Lưu Thị Bích Kiều	DH16CB			1	1.6	4.9	7.5	0012345678910	0123456789
14	17115055	Nguyễn Xuân Kỳ	DH17CB			0.5	3	6	9.5	0012345678910	0123456789
15	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD				3	8	10	0012345678910	0123456789
16	17115059	Nguyễn Thị Lệ	DH17CB				3	4.6	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 002_DH17NL_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14115331	Trần Thị Yến	Linh				1.5	1.4	2.9	001●345678910	012345678●
18	17137041	Hồ Thanh	Lộc				1.5	2.1	3.6	0012●45678910	012345●789
19	17137042	Ngô Nguyễn Hữu	Lộc				2.1	3.2	5.3	001234●678910	012●456789
20	17114031	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ				3	5.6	8.6	001234567●910	012345●789
21	15115103	Bùi Văn	Nghĩa			1	1.5	5.6	8.1	001234567●910	0●23456789
22	17118065	Cao Quý	Nguyên				2.8	3.2	6.0	0012345●78910	●123456789
23	17118066	Hoàng Trung	Nguyên			1	3	5.3	9.3	0012345678●10	012●456789
24	17153048	Lê Khánh	Nguyên				2.4	5.6	8.0	001234567●910	●123456789
25	15115110	Ngô Thị Phương	Nhã				1.5	0.8	2.2	001●345678910	01●3456789
26	15115113	Trần Nguyễn Trọng	Nhân				3	0	3.0	0012●45678910	●123456789
27	15115114	Trương Trọng	Nhân				1.2	0	1.2	00●2345678910	01●3456789
28	17153051	Võ Thành	Nhân				2.4	0	2.4	001●345678910	0123●56789
29	17115077	Lê Thị Thanh	Nhi				2.8	3.9	6.6	0012345●78910	012345●789
30	17115078	Nguyễn Thị	Nhớ				3	8	10	00123456789●	●123456789
31	17137051	Phạm Nhật	Phong			0.5	2.1	3.5	6.1	0012345●78910	0●23456789
32	17114043	Lê Gia	Phú				2.5	2.5	5.0	001234●678910	●123456789



Mã nhận dạng 02541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **002_DH17NL_01**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD				3	5.6	8.6	001234567●910	012345●789
34	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT				2.4	4.9	7.3	00123456●8910	012●456789
35	15115130	Nguyễn Thị Hồng	DH15GN				1.5	2.8	4.3	00123●5678910	012●456789
36	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL				2.1	0.4	2.5	001●345678910	01234●6789
37	15115134	Vũ Nhật Quang	DH15CB				1.5	0	1.5	00●2345678910	01234●6789
38	17115088	Nguyễn Tấn Quân	DH17CB				1.6	3.9	5.5	001234●678910	01234●6789
39	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD				/	/	/	●012345678910	0123456789
40	16118123	Nguyễn Tòng Quân	DH16CC				1.5	0	1.5	00●2345678910	01234●6789
41	17137059	Phan Thị Thảo	DH17NL			1	3	5.6	9.6	0012345678●10	012345●789
42	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK				3	7	10	00123456789●	●123456789
43	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT				1.5	0.4	1.9	00●2345678910	012345678●
44	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK				3	5	8.0	001234567●910	●123456789
45	17153062	Phan Minh Tâm	DH17CD				1.2	2.5	3.7	0012●45678910	0123456●89
46	17115093	Đặng Hoàng Tấn	DH17CB				2.5	3.5	6.0	0012345●78910	●123456789
47	16115156	Nguyễn Hữu Thắng	DH16CB				1.5	0.7	2.2	001●345678910	01●3456789
48	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK				3	1.4	4.4	00123●5678910	0123●56789



Mã nhận dạng 02541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **002_DH17NL_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL			1	3	4.6	8.6	0012345678910	012345789
50	15114156	Nguyễn Công Thông	DH15CB				1.5	5.3	6.8	001234578910	012345679
51	15115155	Dương Thị Hồng	DH15GN				3	5	8.0	001234567910	123456789
52	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK				1.5	2.8	4.3	001235678910	012456789
53	15115162	Vô Thanh Thùy	DH15GN				2.8	3.9	6.6	001234578910	012345789
54	17114053	Mai Thị Thúy	DH17CB				3	6.8	9.8	001234567810	012345689
55	17114055	Nguyễn Phan Anh	DH17CB				3	3.2	6.2	001234578910	013456789
56	15115164	Trần Tấn Tiên	DH15CB				1.5	3.2	4.7	001235678910	012345689
57	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL				3	3.2	6.2	001234578910	013456789
58	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD				3	2.5	5.5	001234678910	012346789
59	12154197	Trần Ngọc Toàn	DH12OT				2.8	3.2	6.0	001234578910	123456789
60	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL			1	3	6	10	0012345678910	123456789
61	17153075	Lê Quốc Trọng	DH17CD				3	5	8.0	001234567910	123456789
62	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL				2.1	2.1	4.2	001235678910	013456789
63	17115123	Nguyễn Thị Mai Trinh	DH17GN				3	0.4	3.4	001245678910	012356789
64	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL				3	6	9.0	001234567810	123456789



Mã nhận dạng 02541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **002_DH17NL_01**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17115127	Tào Minh Tuấn	DH17CB	<i>luon</i>			2.8	2.5	5.2	001234678910	013456789
66	17115131	Nguyễn Thị Thủy	DH17GN				/	/	/	0012345678910	0123456789
67	12115115	Nguyễn Trí	DH12GN	<i>Trí</i>			1.2	2.8	4.0	001235678910	0123456789
68	17118136	Đặng Thanh	DH17CK	<i>Viet</i>			3	5.6	8.6	001234567910	012345789
69	13115475	Trương Xuân	DH13CB				/	/	/	0012345678910	0123456789
70	15153076	Nguyễn Thanh	DH15CD	<i>Thanh</i>			3	1.1	4.1	001235678910	023456789
71	17137079	Nguyễn An Hoàng	DH17NL	<i>Vuong</i>		0.8	1.5	1.8	4.0	001235678910	0123456789
72	17118143	Nguyễn Hải	DH17CC	<i>Vuong</i>			3	6.3	9.3	001234567810	012456789
73	17114068	Lê Thị Nhật	DH17CB	<i>Thy</i>			2.4	6.3	8.7	001234567910	012345689
74	17115141	Trần Thị Hải	DH17GB	<i>Hai</i>			3	4.6	7.6	001234568910	012345789

Số sinh viên dự thi 7.1. Số sinh viên vắng 3...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phi Bng Thao
Ngày in : 14/12/2018

Trần Văn Tuấn

Trương Quang Trường

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi

001_DH17CD_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi

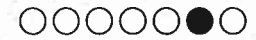
09:45

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 ±%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên										Tô điểm lẻ										
1	15115002	Nguyễn Thị Thúy	An	DH15CB				3	7	10	00123456789●										●123456789									
2	17154002	Lê Bảo	Anh	DH17OT				3	6	9.0	0012345678●10										●123456789									
3	17118005	Phan Văn Hùng	Anh	DH17CK				2.4	6.8	9.1	0012345678●10										0●23456789									
4	17118006	Nguyễn Thanh	Bá	DH17CK				3	1.8	4.8	00123●5678910										01234567●9									
5	17115005	Nguyễn Thị	Bình	DH17GN				1.5	2.8	4.3	00123●5678910										012●456789									
6	17115007	Trần Thị Kim	Chung	DH17GN				3	7	10	00123456789●										●123456789									
7	17154009	Nguyễn Thành	Công	DH17OT				2.4	2.8	5.2	001234●678910										01●3456789									
8	17115012	Châu Thị Ngọc	Diễm	DH17GN				3	6	9.0	0012345678●10										●123456789									
9	14154080	Nguyễn Hoàng	Diễn	DH14OT				1.8	/	/	●012345678910										0123456789									
10	14153070	Mai Thạch	Dũ	DH14CD				2.1	0	2.1	001●345678910										0●23456789									
11	17153017	Nguyễn Hồng	Dung	DH17CD		1		3	5.6	9.6	0012345678●10										012345●789									
12	17153022	Đào Phụng	Duy	DH17CD				2.7	2.5	5.2	001234●678910										01●3456789									
13	17153021	Đặng Thế	Duy	DH17CD		1		3	3.2	7.2	00123456●8910										01●3456789									
14	17154022	Đinh Nguyễn Đình	Duy	DH17OT				3	3.5	6.5	0012345●78910										01234●6789									
15	17118027	Nguyễn Anh	Duy	DH17CC				1.8	3.5	5.3	001234●678910										012●456789									
16	17115024	Lê Thị Mỹ	Duyên	DH17GN				2.7	6.8	9.4	0012345678●10										0123●56789									



Mã nhận dạng 02535

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tin Ch **3**

Nhóm Thi **DH17CD_02**

Tổ Thi **001_DH17CD_02**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			1	3	5.6	9.6	0012345678●10	012345●789
18	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC				2.4	4.6	7.0	00123456●8910	●123456789
19	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT				1.8	3.9	5.7	001234●678910	0123456●89
20	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT				3	3.2	6.2	0012345●78910	01●3456789
21	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC				1.9	5.6	7.5	00123456●8910	01234●6789
22	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT				3	5.6	8.6	001234567●910	012345●789
23	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD				2.4	0	2.4	001●345678910	0123●56789
24	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK				1.8	2.8	4.6	00123●5678910	012345●789
25	17154023	Nguyễn Hoàng Trường Giang	DH17OT				2.7	7	9.7	0012345678●10	0123456●89
26	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK				1.5	2.8	4.3	00123●5678910	012●456789
27	14114032	Nguyễn Mai Thái Hà	DH14CB				2.4	/	/	●012345678910	0123456789
28	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT				1.8	3.9	5.7	001234●678910	0123456●89
29	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD				3	4.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
30	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD				2.4	3.9	6.3	0012345●78910	012●456789
31	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD				3	2.1	5.1	001234●678910	0●23456789
32	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK				2.4	1.8	4.2	00123●5678910	01●3456789



Mã nhận dạng 02535

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_02**

Tổ Thi **001_DH17CD_02**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14114362	Đoàn Trung	Hiếu	DH14CB			2.4	2.1	4.5	0012345678910	0123456789
34	15115049	Nguyễn Đình	Hiếu	DH15CB			3	0.8	3.8	0012345678910	0123456789
35	14118158	Vũ Văn	Hiếu	DH14CK			/	/	/	0012345678910	0123456789
36	17115038	Vương Thị Thanh	Hoa	DH17GN			1.8	6.7	8.5	0012345678910	0123456789
37	14118168	Nguyễn Thái	Học	DH14CK			1.5	4.6	6.1	0012345678910	0123456789
38	16118056	Lê Long	Hồ	DH16CC			2.8	3.9	6.6	0012345678910	0123456789
39	17154036	Hà Quang	Huy	DH17OT		0.8	3	6.3	10	0012345678910	0123456789
40	17115050	Trần Thị Như	Huỳnh	DH17CB			2.8	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
41	15115066	Nguyễn Thị Thu	Hường	DH15GN			1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
42	17118047	Nguyễn Hữu	Khang	DH17CK			1.8	0.4	2.2	0012345678910	0123456789
43	17153034	Lê Văn	Khanh	DH17CD			3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
44	17153035	Dương Quốc	Khánh	DH17CD			3	3.2	6.2	0012345678910	0123456789
45	17154041	Nguyễn Duy	Khánh	DH17OT			3	1.4	4.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02535

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 3...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


N.V. Kiep


Ng Hung Khoa


Trương Quang Trường

Ngày in : 14/12/2018



Mã nhận dạng 02536

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_02**

Tổ Thi

002_DH17CD_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30%	Điểm 7.5	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153038	Nguyễn Tiến	Khoa	DH17CD	<i>Khoa</i>		3	6	9.0	0012345678●10	●123456789
2	17137037	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH17NL	<i>K</i>		1.5	2.1	3.6	0012●45678910	012345●789
3	16118076	Vũ Hoàng	Kim	DH16CK	<i>is</i>		1.8	5.6	7.4	00123456●8910	0123●56789
4	17153041	Lương Chí	Lập	DH17CD	<i>hcm</i>	1	1.5	7	9.5	0012345678●10	01234●6789
5	17115064	Nguyễn Thị Thu	Loan	DH17GB	<i>nhua</i>		3	2.1	5.1	001234●678910	0●23456789
6	17153043	Lâm Vũ	Long	DH17CD	<i>Long</i>		3	4.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
7	17115066	Trần Thanh	Long	DH17CB	<i>Long</i>	0.8	3	6.3	10	00123456789●	●123456789
8	17137040	Hồ Quốc	Lộc	DH17NL	<i>QL</i>		1.8	2.8	4.6	00123●5678910	012345●789
9	16115103	Phạm Văn	Mạnh	DH16CB	<i>Mạnh</i>		1.9	2.1	4.0	00123●5678910	●123456789
10	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	Mi	DH17CK	<i>phym</i>		1.5	2.8	4.3	00123●5678910	012●456789
11	16118102	Phạm Nhật	Minh	DH16CK	<i>nhinh</i>		1.2	2.1	3.3	0012●45678910	012●456789
12	13153152	Đặng Hoàng	Nam	DH13CD	<i>Huynh</i>		3	1	4.0	00123●5678910	●123456789
13	14115343	Nguyễn Thanh	Nam	DH14GN	<i>Thanh</i>		2.4	0	2.4	001●345678910	0123●56789
14	17154057	Trần Văn Hoài	Nam	DH17OT	<i>Hoai</i>		3	5.6	8.6	001234567●910	012345●789
15	15153043	Nguyễn Văn Sơn	Nguyên	DH15CD	<i>Son</i>		2.4	5.6	8.0	001234567●910	●123456789
16	17154061	Phan Thị Hoài	Nhã	DH17OT	<i>Nha</i>		1.5	6.8	8.3	001234567●910	012●456789



Mã nhận dạng 02536

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi

002_DH17CD_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD				1.8	3.2	5.0	001234678910	123456789
18	16115129	Phan Thị Hồng Nhung	DH16CB		1		2.4	0.7	4.1	001235678910	023456789
19	17115079	Nguyễn Thị Quỳnh Như	DH17GN				1.9	4.6	6.5	001234578910	012346789
20	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD				2.7	6	8.7	001234567910	012345689
21	17115080	Dương Ngọc Ni	DH17GB				3	2.1	5.1	001234678910	023456789
22	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD				3	0.7	3.7	001245678910	012345689
23	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT				1.5	5.6	7.1	001234568910	023456789
24	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK				1.5	7	8.5	001234567910	012346789
25	17154070	Nguyễn Thanh Phong	DH17OT				3	6.3	9.3	001234567810	012456789
26	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD				2.4	2.1	4.5	001235678910	012346789
27	17154073	Đặng Hữu Phước	DH17OT				1.5	7	8.5	001234567910	012346789
28	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD				1.8	6.3	8.1	001234567910	023456789
29	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD				2.7	5.6	8.3	001234567910	012456789
30	17115098	Trần Thị Thanh Thanh	DH17GN				3	3.5	6.5	001234578910	012346789
31	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC				1.8	3.9	5.7	001234678910	012345689
32	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT				3	2.1	5.1	001234678910	023456789



Mã nhận dạng 02536

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi

002_DH17CD_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17115096	Nguyễn Thái Hoàng	Thân	DH17GN			1.5	4	5.5	001234678910	012346789
34	15137056	Huỳnh Phúc	Thịnh	DH15NL			1.5			0012345678910	0123456789
35	17154096	Nguyễn Tấn	Thọ	DH17OT			3	6	9.0	0012345678910	0123456789
36	13153223	Trần Hữu	Thọ	DH13CD						0012345678910	0123456789
37	17154098	Trần Đình	Thông	DH17OT			1.5	6.3	7.8	001234568910	012345679
38	17153068	Phan Anh	Thơ	DH17CD		1	3	5.6	9.6	0012345678910	012345789
39	15115163	Huỳnh Thiên Xuân	Thy	DH15GN			1.5	0.8	2.2	001345678910	013456789
40	17153070	Nguyễn Trọng	Tiến	DH17CD			3	6.8	9.8	0012345678910	012345689
41	15115167	Trần Thiện	Tiến	DH15GN			1.5	0	1.5	002345678910	012346789
42	17154105	Nguyễn Trung	Tín	DH17OT			1.8	6.3	8.1	001234567910	023456789
43	16115185	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	DH16CB		1	2.2	5.3	8.5	001234567910	012346789
44	17153077	Phan Bảo	Trọng	DH17CD			1.8	6.3	8.1	001234567910	023456789
45	14118086	Nguyễn Công	Truyền	DH14CK			1.5	3.5	5.0	001234678910	0123456789
46	14118292	Nguyễn Tấn	Truyền	DH14CK			1.5	3.2	4.8	001235678910	012345689
47	17154113	Võ Thương	Trường	DH17OT			3	2.1	5.1	001234678910	023456789
48	14118092	Nguyễn Hoàng Anh	Tử	DH14CC			1.5	0.8	2.2	001345678910	013456789



Mã nhận dạng 02536

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 002_DH17CD_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15114192	Lê Anh Tuấn	DH15CB				3	2.1	5.1	001234678910	023456789
50	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT				1.8	3.2	5.0	001234678910	0123456789
51	16118171	Đoàn Đình Văn	DH16CC				2.2	2.8	5.0	001234678910	0123456789
52	17115134	Trần Thị Hồng Văn	DH17GN				1.5	5.3	6.8	0012345678910	012345679
53	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT				3	7	10	0012345678910	0123456789
54	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD				3	6.3	9.3	001234567810	012456789
55	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK				2.4	3.2	5.6	001234678910	012345789
56	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD				3	6	9.0	001234567810	0123456789
57	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD				1.5	4.6	6.1	0012345678910	023456789

Số sinh viên dự thi 5.5 Số sinh viên vắng 2..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 14/12/2018



Mã nhận dạng 02542

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_06**

Tổ Thi **001_DH17OT_06**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

CT201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC				1.9	2.1	4.0	0012345678910
2	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT				2.4	4.2	6.6	0012345678910
3	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT				3	6.7	9.7	0012345678910
4	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK				1.8	5.3	7.1	0012345678910
5	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK				1.5	4.2	5.7	0012345678910
6	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CC				3	2.8	5.8	0012345678910
7	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT				3	5.3	8.3	0012345678910
8	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT				1.5	5.6	7.1	0012345678910
9	17118018	Lê Công Danh	DH17CK				3	2.8	5.8	0012345678910
10	17115011	Nguyễn Tấn Đạt	DH17GN				3	2.8	5.8	0012345678910
11	17154016	Nguyễn Khoa Điên	DH17OT				1.5	1.8	3.3	0012345678910
12	17115017	Lê Quý Đô	DH17GN				3	1.1	4.1	0012345678910
13	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT				3	5.3	8.3	0012345678910
14	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT				1.5	3.9	5.4	0012345678910
15	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT				2.1	6.3	8.4	0012345678910
16	15115039	Nguyễn Lê Ngọc Hân	DH15CB		1	1.5	2.5	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02542

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_06**

Tổ Thi **001_DH17OT_06**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

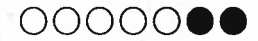
Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

CT201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC	Hiep			15	6	7.5	00123456●8910	01234●6789
18	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT	Huiz			3	7	10	00123456789●	●123456789
19	17154028	Phạm Tử Hùng	DH17OT	Huiz			2.1	1.4	3.5	0012●45678910	01234●6789
20	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT	Huiz			2.7	4.9	7.6	00123456●8910	012345●789
21	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK	Huiz			1.5	6.3	7.8	00123456●8910	01234567●9
22	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT	Hoan			3	5.6	8.6	001234567●910	012345●789
23	17118038	Đỗ Thanh Hoàng	DH17CK	Huiz			1.5	0.7	2.2	001●345678910	01●3456789
24	17154033	Ngô Minh Hoàng	DH17OT	Hoang			3	7	10	00123456789●	●123456789
25	17154034	Nguyễn Tấn Hùng	DH17OT	Huiz		1	2.5	6	9.5	0012345678●10	01234●6789
26	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT	Huiz			1.5	0.7	2.2	001●345678910	01●3456789
27	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD	Huiz		1	2.7	6	9.7	0012345678●10	0123456●89
28	17115046	Nguyễn Thanh Hường	DH17CB	Huiz			3	—	—	●012345678910	0123456789
29	17118046	Trần Khải	DH17CK	Huiz			2.5	3.5	6.0	0012345●78910	●123456789
30	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT	Huiz			3	4	7.0	00123456●8910	●123456789
31	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT	Huiz			2.4	2.8	5.2	001234●678910	01●3456789
32	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT	Huiz			1.5	4.6	6.1	0012345●78910	0●23456789



Mã nhận dạng 02542

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_06**

Tổ Thi **001_DH17OT_06**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

CT201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT				3	5.6	8.6	001234567●910	012345●789
34	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT				3	6.8	9.8	0012345678●10	01234567●89
35	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT				2.4	4.2	6.6	0012345●78910	012345●789
36	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL				2.2	1.8	4.0	00123●5678910	●123456789
37	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK				1.5	0.8	2.2	001●345678910	01●3456789
38	17118055	Phan Công Linh	DH17CC				3	1.1	4.1	00123●5678910	0●23456789
39	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			1	2.8	5.3	9.0	0012345678●10	●123456789
40	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT				3	4.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
41	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL				1.5	4.2	5.7	001234●678910	0123456●89
42	17115067	Đoàn Thị Bạch Mai	DH17GN				3	4	7.0	00123456●8910	●123456789
43	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT				1.5	2.8	4.3	00123●5678910	012●456789
44	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC				1.5	6.3	7.8	00123456●8910	01234567●89
45	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC				1.5	6	7.5	00123456●8910	01234●6789



Mã nhận dạng 02542

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_06

Tổ Thi 001_DH17OT_06

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 41 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Ngô Võ Ngọc Bích

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_06**

Tổ Thi **002_DH17OT_06**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên										Tô điểm lẻ												
1	17154065	Nguyễn Thành	Nhân	DH17OT				2.4	5.6	8.0	0	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	17118070	Trần Trọng	Nhân	DH17CC				2.1	4.2	6.3	0	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9
3	17118071	Phạm Long	Nhật	DH17CC				3	4	7.0	0	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	17115075	Bùi Thị Yến	Nhi	DH17GB				3	6.3	9.3	0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9
5	17115076	Huỳnh Thị Kiều	Nhi	DH17GB				3	4	7.0	0	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	17154069	Lê Văn Tấn	Phát	DH17OT				2.7	3.5	6.2	0	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9
7	17118077	Bùi Thanh	Phong	DH17CC				2.1	4.6	6.7	0	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9
8	17118079	Đặng Nguyên Hoài	Phú	DH17CC		1	1.5	7	9.5	0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	
9	17118080	Diệp Thanh	Phúc	DH17CK				1.5	1.1	2.6	0	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9
10	17118081	Ngô Hoàng	Phúc	DH17CC				3	6.7	9.7	0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9
11	17118082	Nguyễn Hoàng	Phúc	DH17CC				1.8	4.2	6.0	0	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	17154072	Trần Thanh	Phúc	DH17OT				3	1.4	4.4	0	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9
13	17154074	Đỗ Trung	Quân	DH17OT				1.5	6	7.5	0	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9
14	17115086	Lương Văn	Quân	DH17GN				2.4	3.2	5.6	0	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9
15	17137055	Nguyễn Nhật	Quân	DH17NL				1.5	2.5	4.0	0	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	17137058	Ngô Thành	Quý	DH17NL				1.5	1.8	3.3	0	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9



Mã nhận dạng 02543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_06**

Tổ Thi **002_DH17OT_06**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118090	Trương Công	Sinh	DH17CK			1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
18	17154079	Nguyễn Hồng	Son	DH17OT		1	2.8	6.3	10	0012345678910	0123456789
19	17154080	Nguyễn Văn	Son	DH17OT			3	6.8	9.8	0012345678910	0123456789
20	17154082	Võ Hoàng	Son	DH17OT			2.8	5.3	8.0	0012345678910	0123456789
21	17154083	Châu Phước	Tài	DH17OT			3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
22	17153060	Đoàn Hữu	Tài	DH17CD		1	2.8	4.2	8.0	0012345678910	0123456789
23	17154085	Nguyễn Hữu	Tài	DH17OT			3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
24	17118097	Lê Quốc	Tân	DH17CC			2.4	4.2	6.6	0012345678910	0123456789
25	17154086	Lê Minh	Tân	DH17OT			3	7	10	0012345678910	0123456789
26	17118099	Đỗ Đại	Thạch	DH17CC			3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
27	17137062	Lê Thị Cẩm	Thạch	DH17NL			1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
28	17154088	Võ Văn	Thạch	DH17OT			3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
29	17154092	Dương Hữu	Thành	DH17OT			2.8	4.6	7.3	0012345678910	0123456789
30	17118101	Vũ Trung	Thành	DH17CK			1.5	6.3	7.8	0012345678910	0123456789
31	17118103	Nguyễn Thừa	Thi	DH17CK			2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
32	17118104	Hồ Văn Kỳ	Thiên	DH17CK			1.8	7	8.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_06**

Tổ Thi **002_DH17OT_06**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154099	Nguyễn Văn Thu	DH17OT				1.5	1.5	3.0	0012345678910	0123456789
34	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC				2.5	2.5	5.0	0012345678910	0123456789
35	17115111	Phạm Bích Thy	DH17GN				2.8	3.2	6.0	0012345678910	0123456789
36	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
37	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
38	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
39	17154106	Phạm Xuân Tinh	DH17OT				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
40	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT				1.5	5	6.5	0012345678910	0123456789
41	17154108	Trần Văn Trà	DH17OT				1.5	7	8.5	0012345678910	0123456789
42	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL				1.5	4.6	6.1	0012345678910	0123456789
43	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC				3	6.7	9.7	0012345678910	0123456789
44	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
45	17154110	Lê Thị Thảo Trinh	DH17OT				1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
46	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC				2.4	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
47	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC				2.7	2.5	5.2	0012345678910	0123456789
48	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_06**

Tổ Thi **002_DH17OT_06**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154112	Trần Nguyễn Xuân	Trường			0.7	3	4.9	8.6	001234567●910	012345●789
50	17118133	Phùng Văn Quốc	Tuấn				2.1	6.7	2.8	001●345678910	01234567●9
51	17154118	Lê Văn	Tùng				3	6.7	9.7	0012345678●10	0123456●89
52	17115136	Huỳnh Tùng	Vũ				2.4	3.2	5.6	0012344●678910	012345●789
53	17154123	Lý Hoàng	Vũ				1.8	5.3	7.1	00123456●8910	0●23456789
54	17137077	Nguyễn Hoài	Vũ				2.4	4.2	6.6	0012345●78910	012345●789
55	17118141	Nguyễn Trọng Anh	Vũ				2.8	4.2	7.0	00123456●8910	●123456789

Số sinh viên dự thi ...55 Số sinh viên vắng ...0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Nguyễn Thị Kiều Hạnh Cao Đức Lợi

Ngày in : 14/12/2018



Mã nhận dạng 02539

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CKC_0'**

Tổ Thi **001_DH17CKC_07**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	Biên		1	3	2.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	Đô			/	2.8	2.8	001●345678910	01234567●9
3	17118160	Trần Á	Đông	Đông			1.5	2.8	4.3	00123●5678910	012●456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	Hiếu			1.9	2.1	4.0	00123●5678910	●123456789
5	17118162	Lê Trung	Hiếu	Hiếu			1.5	2.8	4.3	00123●5678910	012●456789
6	17118164	Lê Gia	Hoàng	Hoàng			/	/	/	●012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh	Hoàng	Hoàng			2.8	2.5	5.2	001234●678910	01●3456789
8	17118165	Nguyễn Minh	Huy	Huy			3	2.8	5.8	001234●678910	01234567●9
9	17118167	Huỳnh Văn	Khang	Khang			/	/	/	●012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân	Minh	Minh		1	1.5	2.8	5.3	001234●678910	012●456789
11	17118155	Đặng Anh	Phương	Phương			1.5	2.8	4.3	00123●5678910	012●456789
12	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	Phương			2.4	2.8	5.2	001234●678910	01●3456789
13	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	Tiến			2.5	2.5	5.0	001234●678910	0123456789
14	17118152	Lâm Gia	Tuấn	Tuấn			1.5	2.8	4.3	00123●5678910	012●456789
15	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	Vĩ			3	3.5	6.5	0012345●78910	01234●6789



Mã nhận dạng 02539

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CKC_0'

Tổ Thi 001_DH17CKC_07

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 43.. Số sinh viên vắng 0...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

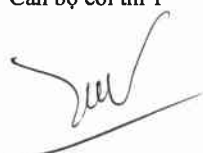
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Thị Kiều Hạnh


Ngô Văn Ngọc Bích


Trương Quang Trường

Ngày in : 14/12/2018

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 70 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			8,5	9		8,9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
2	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			8	8		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			8	7,5	7,7		○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
4	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			8,5	9		8,9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
5	16118045	Đào Văn Hải	DH16CC			8,5	9,5		9,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			8,5	8		8,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			8,5	9		8,9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
8	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			8	8		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15118048	Nguyễn Văn Lam	DH15CC			8,5	9		8,9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
10	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC			8,5	10		9,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
11	16118088	Nguyễn Hoàn Phước	DH16CC			8,5	8,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	15118052	Trào An Lộc	DH15CC			8,5	8,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC			8,5	8		8,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			8	8		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			8,5	8,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC			8,5	9,5		9,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			8,5	8,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			8	7,5	7,7		○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			8	7,5		7,7	○○○123456●8910	○123456●89
20	15118077	Nguyễn Minh Nhựt	DH15CC			9	10		9,7	○○○12345678●10	○123456●89
21	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			8	7,5		7,7	○○○123456●8910	○123456●89
22	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC			9	10		9,7	○○○12345678●10	○123456●89
23	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC			8,5	8,5		8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
24	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC			8	8		8,0	○○○1234567●910	●123456789
25	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			8,5	9,5		9,2	○○○12345678●10	○1●3456789
26	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			8	9		8,7	○○○1234567●910	○123456●89
27	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			8,5	8		8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
28	15118108	Lê Trung Tính	DH15CC			8	9,5		9,1	○○○12345678●10	○●23456789
29	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC			8,5	9		8,9	○○○1234567●910	○12345678●
30	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			8	7,5		7,7	○○○123456●8910	○123456●89
31	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			8,5	8		8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
32	15118128	Hoàng Trung Tướng	DH15CC			7,5	7		7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
33	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC			8,5	9,5		9,2	○○○12345678●10	○1●3456789
34	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC			8,5	9,5		9,2	○○○12345678●10	○1●3456789

Số lượng vắng: ○

Hiện diện: 34

Cán bộ coi thi 1

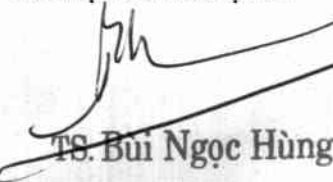
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 14/12/2018 14:27


TS. Bùi Ngọc Hùng


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02569

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			10	9	7	8,0	001234567●910	●123456789
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			10	9	6	7,4	00123456●8910	0123●56789
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			10	10	7	8,2	001234567●910	01●3456789
4	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			10	8	6	7,2	00123456●8910	01●3456789
5	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			9	7	6,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
6	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			10	10	3	5,8	001234●678910	01234567●9
7	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			10	8	3,5	5,7	001234●678910	0123456●89
8	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			10	8,5	4	6,1	0012345●78910	0●23456789
9	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			10	8,5	5	6,7	0012345●78910	0123456●89
10	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			10	10	8	8,8	001234567●910	01234567●9
11	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			10	3,5	4	5,1	001234●678910	0●23456789
12	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			10	10	8,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
13	17137015	Nguyễn Viết Duy	DH17NL			10	6,5	4,5	6,0	0012345●78910	●123456789
14	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			10	9	6,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
15	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			10	8,5	8	8,5	001234567●910	01234●6789
16	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			10	8	3	5,4	001234●678910	0123●56789



Mã nhận dạng 02569

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			8	7	6,5	6,9	0012345●78910	012345678●
18	17137018	Phạm Ngô Ngọc	DH17NL			10	10	2,5	5,5	001234●678910	01234●6789
19	17137012	Lê Tấn	DH17NL			10	9	4	6,2	0012345●78910	01●3456789
20	17137019	Tô Công	DH17NL			10	10	6	7,6	00123456●8910	012345●789
21	17137020	Nguyễn Thành	DH17NL			10	9	6	7,4	00123456●8910	0123●56789
22	17137023	Mai Văn	DH17NL			10	10	9,5	9,7	0012345678●10	0123456●89
✓ 23	17137025	Phạm Hữu Huy	DH17NL							●012345678910	0123456789
24	17137026	Phan Phước	DH17NL			10	10	3	5,8	001234●678910	01234567●9
25	17137027	Từ Minh	DH17NL			10	1,0	1,5	3,1	0012●45678910	0●23456789
26	17137022	Huỳnh Nhật	DH17NL			10	9	2	5,0	001234●678910	●123456789
27	17137028	Nguyễn	DH17NL			10	10	2	5,2	001234●678910	01●3456789
28	17118043	Hồng Cẩm	DH17CC			10	7	7	7,6	00123456●8910	012345●789
29	17137032	Trần Minh	DH17NL			10	5	6	6,6	0012345●78910	012345●789
30	17137033	Phan Đình	DH17NL			8	9	5	6,4	0012345●78910	0123●56789
31	17137030	Phạm Phi	DH17NL			10	9	8	8,6	001234567●910	012345●789
32	17137034	Đỗ Thích	DH17NL			8	8	5,5	6,5	0012345●78910	01234●6789

Mã nhận dạng 02569

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL	<i>h. luan h</i>		10	10	6	7,6	00123456●8910	012345●789
34	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL	<i>Đ. Khôi</i>		10	8	1,5	4,3	001234●5678910	012●456789
35	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL	<i>K. Tuấn</i>		9	9	5	6,6	0012345●78910	012345●789
36	17137039	Vũ Khắc Lịch	DH17NL	<i>L. Khắc</i>		10	10	5	7,0	00123456●8910	●123456789
37	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC	<i>L. Chí</i>		10	8	7	7,8	00123456●8910	01234567●9
38	17137044	Cao Long	DH17NL	<i>C. Long</i>		10	9	1,5	4,7	001234●5678910	0123456●89
39	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL	<i>L. Quốc</i>		10	10	6	7,6	00123456●8910	012345●789
40	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL	<i>L. Thanh</i>		10	10	3	5,8	001234●678910	01234567●9
41	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL	<i>L. Hữu</i>		10	10	1,5	4,9	001234●5678910	012345678●
42	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL	<i>L. Đức</i>		10	8	4,5	6,3	0012345●78910	012●456789
43	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL	<i>M. Hoàng</i>		9	10	4	6,2	0012345●78910	01●3456789
44	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL	<i>N. Tấn</i>		8	10	4	6,0	0012345●78910	●123456789
45	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC	<i>P. Dương</i>		9	7	2,5	4,7	001234●5678910	0123456●89
46	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL	<i>P. Nhật</i>		10	10	8,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
47	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC	<i>P. Hoài</i>		9	4	6	6,2	0012345●78910	01●3456789
48	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC	<i>P. Hoàng</i>		10	10	7,5	8,5	001234567●910	01234●6789



Mã nhận dạng 02569

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			10	10	6,5	7,9	00123456●8910	012345678●
50	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL			10	5	6	6,6	0012345●78910	012345●789
51	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC			10	10	9	9,4	0012345678●10	0123●56789
52	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			9	8,5	3	5,3	001234●678910	012●456789
53	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			10	7	7,5	7,9	00123456●8910	012345678●
54	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL			10	10	6,5	7,9	00123456●8910	012345678●
55	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL			10	10	6,5	7,9	00123456●8910	012345678●
56	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL			10	8	9,5	9,3	0012345678●10	012●456789
57	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL			10	8	4	6,0	0012345●78910	●123456789
58	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			10	10	8,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
59	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL			9	8,5	6,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
60	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL			10	10	4,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
61	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL			10	10	9	9,4	0012345678●10	0123●56789
62	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL			10	8	8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
63	17118109	Võ Đức Thịnh	DH17CC			10	4	2	4,0	00123●5678910	●123456789
64	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL			9	8,5	3,5	5,6	001234●678910	012345●789



Mã nhận dạng 02569

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL			10	8,5	3	5,5	0012345678910	0123456789
66	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL			10	8,5	6	7,3	0012345678910	0123456789
67	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL			10	10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
68	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			10	10	5	7,0	0012345678910	0123456789
69	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL			10	10	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
70	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL			10	9	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
71	17137075	Lê Khắc Trung	DH17NL			10	8,5	4	6,1	0012345678910	0123456789
72	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			7	10	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
73	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			9	7	7	7,4	0012345678910	0123456789
74	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			10	10	1,5	4,9	0012345678910	0123456789
75	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL			9	8,5	4,5	6,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ~~74~~ Số sinh viên vắng ~~01~~

Ngày 11 Tháng 2 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 14/12/2018

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02581

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI7_01**

Tổ Thi

001_TINCHI7_01

Tên CBGD

Võ Văn Thưa

Ngày Thi **15/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118008	Hồ Thái An	DH16CK	<i>An</i>		1,0	0,6	3,5	5,1	0012345678910	0223456789
2	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK	<i>An</i>		1,0	0,9	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
3	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK	<i>Bao</i>		1,0	0,3	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
4	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK	<i>Bon</i>		1,0	0,5	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
5	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK	<i>Chung</i>		1,0	0,4	7,6	9,0	0012345678910	0123456789
6	16118023	Huỳnh Trung Cường	DH16CK	<i>Cuong</i>		1,0	0,7	7,0	8,7	0012345678910	0123456789
7	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK	<i>Danh</i>		1,0	0,3	3,7	5,0	0012345678910	0123456789
8	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK	<i>Dung</i>		1,0	0,4	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
9	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK	<i>Dat</i>		0,0	0,0	1,5	1,5	0012345678910	0123456789
10	16118052	Hồ Sông Hậu	DH16CK	<i>Hau</i>		1,0	0,5	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
11	15118031	Nguyễn Bình Phương Hậu	DH15CK	<i>Hau</i>		1,0	0,4	6,0	7,4	0012345678910	0123456789
12	14118025	Lê Quang Hiên	DH14CK	<i>Hiên</i>		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
13	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK	<i>Hiep</i>		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
14	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK	<i>Hieu</i>		0,7	1,0	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
15	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK	<i>Hieu</i>		1,0	0,3	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
16	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK	<i>Hoang</i>		1,0	0,8	6,0	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02581

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI7_01**

Tổ Thi

001_TINCHI7_01

Tên CBGD

Vô Văn Thừa

Ngày Thi **15/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15118045	Du Đức Anh	Khoa	DH15CK		1,0	0,5	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
18	15118049	Nguyễn Văn	Lâm	DH15CK		1,0	0,7	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
19	14118190	Huỳnh Công	Lân	DH14CK		1,0	0,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
20	15118054	Đặng Duy	Long	DH15CK		1,0	0,5	6,5	8,0	0012345678910	0123456789
21	15118062	Lăng Văn	Minh	DH15CK		1,0	0,6	7,4	9,0	0012345678910	0123456789
22	15118066	Hoàng Văn	Nam	DH15CK		1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
23	15118068	Phạm Đức	Nam	DH15CK		1,0	0,3	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
24	15118069	Vô Văn	Nam	DH15CK		1,0	0,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
25	15118070	Lý	Nghé	DH15CK		1,0	0,6	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
26	15118071	Nguyễn Tấn	Nghĩa	DH15CK		1,0	0,5	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
27	14118207	Nguyễn Lê	Nguyên	DH14CK		1,0	0,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
28	13118221	Vô Văn	Nguyên	DH13CK		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
29	14118050	Nguyễn Thành	Phong	DH14CK		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
30	14118223	Phạm Hoàng	Phương	DH14CK		1,0	0,4	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
31	15118088	Trần Hữu	Sơn	DH15CK		1,0	0,6	7,0	8,6	0012345678910	0123456789
32	13118047	Phạm Minh	Tài	DH13CK		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02581

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI7_01**

Tổ Thi

001_TINCHI7_01

Tên CBGD

Võ Văn Thưa

Ngày Thi **15/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK	Tập		1,0	0,6	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
34	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK	Như		1,0	0,9	6,5	8,4	0012345678910	0123456789
35	15118094	Nguyễn Đoàn Thắng	DH15CK	Thắng		4,0	0,4	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
36	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK	Thiện		0,0	0,0	3,5	3,5	0012345678910	0123456789
37	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK	Thọ		1,0	0,5	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
38	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK	Thuật		1,0	0,9	7,5	9,4	0012345678910	0123456789
39	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK	Tín		4,0	0,1	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
40	15118109	Lưu Ngọc Anh Toàn	DH15CK	Toàn		1,0	0,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
41	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	Trí		1,0	0,3	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
42	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK	Truyền		1,0	0,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
43	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK	Trường		1,0	0,6	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
44	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK	Tùng		1,0	0,5	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
45	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK	Việt		1,0	0,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
46	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK	Vương		1,0	0,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
47	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK	Vương		1,0	0,3	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
48	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK	Ý		1,0	0,5	6,0	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02581

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)** Số Tin Ch 3
Nhóm Thi **TINCHI7_01** Tổ Thi **001_TINCHI7_01** Tên CBGD **Võ Văn Thừa**
Ngày Thi **15/01/2019** Giờ Thi **14:45** Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 6

Ngày 21 Tháng 02 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

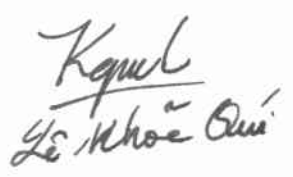
Cán bộ coi thi 2

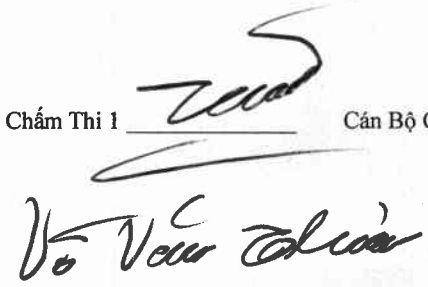
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phan Minh Hieu


Le Khoe Quoi


Vo Van Thua



Mã nhận dạng 02582

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH15CK_01**

Tổ Thi **001_DH15CK_01**

Tên CBGD **Võ Văn Thừa**

Ngày Thi **10/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			0,5	1,0	1,6	3,1	0012345678910	0223456789
2	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK			0,5	1,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
3	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK			0,5	1,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
4	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK			0,5	1,0	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
5	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK			0,5	1,0	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
6	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			0,5	1,0	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
7	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK			0,5	1,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
8	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			0,5	1,0	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
9	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK			0,5	1,0	5,2	6,7	0012345678910	0123456789
10	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			0,5	1,0	5,2	6,7	0012345678910	0123456789
11	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK			✓	✓	✓	0,0	0012345678910	0123456789
12	14118026	Nguyễn Đức Hiếu	DH14CK			0,5	1,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
13	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			0,5	1,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
14	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			✓	✓	✓	0,0	0012345678910	0123456789
15	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK			0,5	1,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
16	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			0,5	1,0	7,0	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02582

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH15CK_01**

Tổ Thi **001_DH15CK_01**

Tên CBGD **Võ Văn Thura**

Ngày Thi **10/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14118027	Nguyễn Đại	Hoàng	DH14CK		0,5	1,0	6,5	8,0	0012345678910	0123456789
18	14118164	Tôn Nhật	Hoàng	DH14CK		0,5	1,0	5,6	7,1	0012345678910	0123456789
19	14118170	Bùi Quang	Huy	DH14CK		0,5	1,0	3,6	5,1	0012345678910	0123456789
20	15118040	Nguyễn Quang	Hưng	DH15CK		0,5	1,0	5,6	7,1	0012345678910	0123456789
21	14118185	Hoàng Nguyễn Anh	Khoa	DH14CK		0,5	1,0	1,6	3,1	0012345678910	0123456789
22	15118046	Trần Văn	Khởi	DH15CK		0,5	1,0	7,5	9,0	0012345678910	0123456789
23	15118054	Đặng Duy	Long	DH15CK		0,5	1,0	5,2	6,7	0012345678910	0123456789
24	15118055	Lê Thanh	Long	DH15CK		0,5	1,0	6,5	8,0	0012345678910	0123456789
25	14118192	Lê Thành	Long	DH14CK		0,5	1,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
26	14118038	Thượng Công	Lộc	DH14CK		0,5	1,0	5,6	7,1	0012345678910	0123456789
27	15118060	Phạm Văn	Mãi	DH15CK		0,5	1,0	4,8	6,3	0012345678910	0123456789
28	15118068	Phạm Đức	Nam	DH15CK		0,5	1,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
29	14118200	Phạm Quang	Nam	DH14CK		0,5	1,0	8,5	10,0	0012345678910	0123456789
30	14118217	Đỗ Thanh	Phong	DH14CK		0,5	1,0	6,8	7,5	0012345678910	0123456789
31	14118050	Nguyễn Thành	Phong	DH14CK	✓				0,0	0012345678910	0123456789
32	15118080	Lê Nguyễn Vinh	Phúc	DH15CK		0,5	1,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02582

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sử dụng máy(207310)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15CK_01

Tổ Thi 001_DH15CK_01

Tên CBGD Võ Văn Thura

Ngày Thi 10/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK	Phúc		0,5	1,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
34	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK	Phuong		0,5	1,0	5,2	6,7	0012345678910	0123456789
35	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK			0,5	1,0	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
36	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK	Quoc		0,5	1,0	3,6	5,1	0012345678910	0123456789
37	15118086	K" San	DH15CK	San		0,5	1,0	4,8	6,3	0012345678910	0123456789
38	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK	✓		0,5	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
39	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK	S		0,5	1,0	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
40	15118089	Lê Văn Song	DH15CK	Song		0,5	1,0	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
41	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK	Tai		0,5	1,0	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
42	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK	Tap		0,5	1,0	1,6	3,1	0012345678910	0123456789
43	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK	Thien		0,5	1,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
44	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK	Tien		0,5	1,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
45	15118109	Lưu Ngọc Anh Toàn	DH15CK	Toan		0,5	1,0	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
46	15118110	Vũ Công Toàn	DH15CK	Toan		0,5	1,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
47	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK	Toan		0,5	1,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
48	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	Tru		0,5	1,0	4,6	3,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02582

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH15CK_01**

Tổ Thi **001_DH15CK_01**

Tên CBGD **Võ Văn Thừa**

Ngày Thi **10/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15118115	Võ Minh Trí	DH15CK			0,5	1,0	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
50	14118293	Lê Văn Trúng	DH14CK			0,5	1,0	5,5	7,0	0012345678910	0123456789
51	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			0,5	1,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
52	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK						0,0	0012345678910	0123456789
53	15118123	Trần Thanh Tú	DH15CK			0,5	1,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
54	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK			0,5	1,0	5,2	6,7	0012345678910	0123456789
55	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK			0,5	1,0	6,0	7,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 50 Số sinh viên vắng 05

Ngày 21 Tháng 02 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Lê Khắc Quý

Võ Văn Thừa

Ngày in : 14/12/2018



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			2	2	4	8	001234567●910	●123456789
2	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			2	2	5	9	0012345678●10	●123456789
3	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK			2	2	4	8	001234567●910	●123456789
4	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			2	2	4	8	001234567●910	●123456789
5	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK			2	2	4	8	001234567●910	●123456789
6	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			2	2	3,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
7	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK			2	2	4	8	001234567●910	●123456789
8	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			2	2	3,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
9	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK			2	2	4	8	001234567●910	●123456789
10	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			2	2	3,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
11	15118060	Phạm Văn Mãi	DH15CK			2	2	3,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
12	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK							0012345678910	0123456789
13	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			2	2	3,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
14	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK			2	2	3,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
15	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK			2	2	4	8	001234567●910	●123456789
16	15118086	K"	DH15CK			2	2	4	8	001234567●910	●123456789
17	15118089	Lê Văn Song	DH15CK			2	2	5	9	0012345678●10	●123456789
18	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK			2	2	3,5	7,5	00123456●8910	01234●6789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15118109	Lưu Ngọc Anh	Toàn	DH15CK		2	2	3,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	15118110	Vũ Công	Toàn	DH15CK		2	2	3,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	15118111	Trần Văn	Toàn	DH15CK		2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15118114	Lê Đức	Trí	DH15CK		2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15118121	Lê Quang	Trường	DH15CK		2	2	3,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
24	15118124	Bùi Anh	Tuấn	DH15CK		2	2	3,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
25	15118125	Hồ Minh	Tuấn	DH15CK		2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15118129	Nguyễn Xuân	Văn	DH15CK		2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15118132	Phạm Thế	Vinh	DH15CK		2	2	3,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
28	15118136	Đỗ Văn	Vương	DH15CK		2	2	3,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
29	14118322	Nguyễn Duy	Xuân	DH14CK		2	2	3,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
30	15118139	Nguyễn Thành	Ý	DH15CK		2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 03598

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 01

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			2	2	2	6	0012345678910	0123456789
2	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			2	2	5	9	0012345678910	0123456789
3	16118023	Huỳnh Trung Cường	DH16CK			2	2	4,5	8,5	0012345678910	0123456789
4	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			2	2	4,5	8,5	0012345678910	0123456789
5	15118031	Nguyễn Bình Phương Hậu	DH15CK			2	2	3	7	0012345678910	0123456789
6	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK							0012345678910	0123456789
7	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK			2	2	4	8	0012345678910	0123456789
8	15118045	Du Đức Anh Khoa	DH15CK			2	2	3	7	0012345678910	0123456789
9	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			2	2	3,5	7,5	0012345678910	0123456789
10	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK			2	2	2	6	0012345678910	0123456789
11	15118070	Lý Nghé	DH15CK			2	2	3	7	0012345678910	0123456789
12	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK			2	2	2	6	0012345678910	0123456789
13	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			2	2	4,5	8,5	0012345678910	0123456789
14	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			2	2	5	9	0012345678910	0123456789
15	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK			2	2	3	7	0012345678910	0123456789
16	15118094	Nguyễn Đoàn Thắng	DH15CK			2	2	4	8	0012345678910	0123456789
17	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK			2	2	2	6	0012345678910	0123456789
18	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			2	2	4,5	8,5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 01

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> %	<u>Đ2</u> %	<u>Điểm</u> thi	<u>Điểm</u> T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK			2	2	3	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK			2	2	2	6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			2	2	2	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK			2	2	4	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK			2	2	4	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			2	2	5	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 02583

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo động cơ đốt trong(207324)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CK_02**

Tổ Thi

001_DH16CK_02

Tên CBGD

Võ Văn Thưa

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118010	Đinh Quốc Ân	DH16CK			1,0	0,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
2	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK			1,0	0,6	3,8	5,4	0012345678910	0123456789
3	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK			1,0	0,5	6,5	8,0	0012345678910	0123456789
4	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK			1,0	0,3	4,8	6,1	0012345678910	0123456789
5	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK			1,0	0,4	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
6	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			1,0	0,8	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
7	16118047	Nguyễn Văn Hạnh	DH16CK			1,0	0,3	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
8	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK			1,0	0,2	3,8	5,0	0012345678910	0123456789
9	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK			1,0	0,6	7,0	8,6	0012345678910	0123456789
10	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK			1,0	0,6	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
11	14118026	Nguyễn Đức Hiếu	DH14CK			1,0	0,4	3,6	5,0	0012345678910	0123456789
12	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			1,0	0,4	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
13	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK			1,0	0,4	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
14	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			1,0	0,5	4,7	6,2	0012345678910	0123456789
15	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK			1,0	0,4	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
16	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK			1,0	0,4	3,0	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02583

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo động cơ đốt trong(207324)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CK_02**

Tổ Thi

001_DH16CK_02

Tên CBGD

Võ Văn Thưa

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118085	Trần Vũ Linh	DH16CK	Linh		1,0	0,6	7,2	8,8	0012345678910	0123456789
18	16118095	Nguyễn Thành Luyến	DH16CK	Luyến		1,0	0,4	7,0	8,4	0012345678910	0123456789
19	16118098	Nguyễn Bình Trí	DH16CK	Man		1,0	0,4	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
20	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK	Phong		1,0	0,0	7,0	8,0	0012345678910	0123456789
21	16118115	Ngô Thanh Phong	DH16CK	Phong		1,0	0,6	6,5	8,1	0012345678910	0123456789
22	16118136	Trần Văn Sự	DH16CK	Su		1,0	0,6	6,0	7,6	0012345678910	0123456789
23	16118138	Nguyễn Anh Tài	DH16CK	Tai		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
24	16118141	Lưu Văn Tân	DH16CK	Tan		1,0	0,4	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
25	16118144	Nguyễn Minh Thắng	DH16CK	Thang		1,0	0,3	8,0	9,3	0012345678910	0123456789
26	16118155	Nguyễn Hữu Tiến	DH16CK	Tien		1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
27	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK	Trang		1,0	0,4	6,0	7,4	0012345678910	0123456789
28	16118165	Đinh Văn Tú	DH16CK	Tu		1,0	0,4	6,5	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02583

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo động cơ đốt trong(207324)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CK_02**

Tổ Thi

001_DH16CK_02

Tên CBGD

Võ Văn Thừa

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 26 Số sinh viên vắng 2

Ngày 26 Tháng 02 Năm 2019

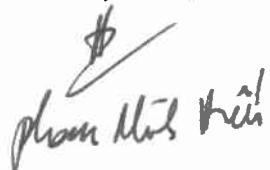
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Phan Minh Thien


Le Thuc Quynh


Vo - Van Thua

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 70%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			6	7,5		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15137002	Võ Trường An	DH15NL			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL			7	8		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
4	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			7,5	8,5		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			5	7		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
6	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			5	7		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
7	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL			8	9,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15137006	Phạm Văn Chinh	DH15NL			5	7		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
9	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL			8	8,5		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			5	7		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			6	7,5		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			8	8,5		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
13	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			6	7,5		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			7	8		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13137052	Huỳnh Tấn Hạng	DH13NL			6	7		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
17	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL			7,5	7		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15137020	Trần Võ Trọng	DH15NL			7,5	7		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			6,5	7		6,9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
22	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			7,5	7		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			8	9,5		9,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL			6	7		6,7	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
25	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL			6	7		6,7	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
26	14137042	Ngô Thị Ngọc Huyền	DH14NL			7,5	7		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			7	7,5		7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
28	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			7	7,5		7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
29	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL			7,5	7		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL			7,5	7		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	15137032	Nguyễn Bách Khoa	DH15NL			6,5	7		6,9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
32	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			7	8		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
33	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			6	7,5		7,1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			6,5	7,5		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			6,5	7		6,9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
36	15137072	Nguyễn Quang Nhựt	DH15NL			6	6,5		6,4	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			7	7,5		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
39	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			5	7		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
40	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			6	7,5		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			6,5	7,5		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			6,5	7,5		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			7	8		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
45	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			6	6,5		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
46	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL			6,5	6,5		6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
47	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			8	8,5		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
48	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL			6	6,5		6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
49	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			6	7,5		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			7	7,5		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
51	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			7	7,5		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
52	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			7	7,5		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
53	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			7	7,5		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
54	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			6,5	7		6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	15137060	Thái Minh Toàn	DH15NL			6,5	7		6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
56	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			7	6,5		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
58	15137065	Lê Trung	DH15NL			6,5	7,5		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL			✓				●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			7	8		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
61	14137091	Phạm Đức Tuyên	DH14NL			7,5	7		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL			7	6,5		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

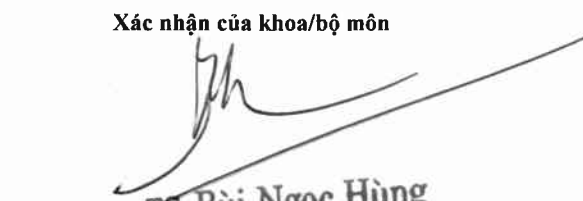
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Anh Đức


TS. Bùi Ngọc Hùng


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02617

Bảng Ghi Điểm Thi

Bảng đã chỉnh sửa

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lý thuyết Ôtô(207712)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH15OT_01**

Tổ Thi **001_DH15OT_01**

Tên CBGD **Lê Thanh Tuấn**

Ngày Thi **10/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	DH15OT		7.0		4.0	5.2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	15154001	Phạm Trọng	Ân	DH15OT		7.5		5.0	6.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15154005	Phạm Quốc	Bảo	DH15OT		6.0		4.0	4.8	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
4	15154006	K"	Bình	DH15OT		7.0		5.5	6.1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	15154007	Nguyễn Xuân	Chinh	DH15OT		6.5		3.0	4.4	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15154008	Nguyễn Hữu	Chung	DH15OT		7.0		4.5	5.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	15154009	Đoàn Văn	Cường	DH15OT		7.5		3.5	5.1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	15154073	Dương Võ	Duy	DH15OT		6.5		1.5	3.5	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15154010	Lê Minh	Đạt	DH15OT		6.5		2.0	3.8	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
10	14154012	Nguyễn Tuấn	Đạt	DH14OT		6.5		3.0	4.4	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15154013	Nguyễn Bình	Đông	DH15OT		6.5		2.0	3.8	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
12	15154014	Nguyễn Văn Giang	Đông	DH15OT		6.0		5.0	5.4	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15154016	Huỳnh Quang	Đường	DH15OT		6.5		6.5	6.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15154017	Huỳnh Thanh	Giang	DH15OT		6.0		5.5	5.7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
15	15154018	Lê Trường	Giang	DH15OT		7.0		4.5	5.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	13154014	Cao Xuân	Giáp	DH13OT		7.0		3.5	4.9	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●



Mã nhận dạng 02617

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bảng đã chỉnh sửa

Môn Thi **Lý thuyết Ôtô(207712)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH15OT_01**

Tổ Thi **001_DH15OT_01**

Tên CBGD

Lê Thanh Tuấn

Ngày Thi **10/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 —%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14154017	Lê Minh	Hải	DH14OT			6.5		1.5	3.5	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	13154015	Nguyễn Tấn	Hải	DH13OT			7.0		3.0	4.6	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
19	15154020	Phạm Tấn	Hải	DH15OT			7.0		2.5	4.3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	15154021	Nguyễn Trung	Hậu	DH15OT			6.5		0.5	2.9	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
21	15154022	Phan Phước	Hiền	DH15OT			7.0		5.5	6.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	14154018	Trần Bá	Hiền	DH14OT			6.5		3.5	4.7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
23	14154019	Lê Minh	Hiếu	DH14OT			6.5		2.0	3.8	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
24	14154020	Vũ Anh	Hiếu	DH14OT			6.5		5.0	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
25	15154024	Hồ Ngọc	Huy	DH15OT			7.0		5.0	5.8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
26	14154104	Huỳnh Văn	Hưng	DH14OT			6.5		6.5	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	13154127	Võ Quốc	Khải	DH13OT			7.0		6.5	6.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
28	15154025	Nguyễn Minh	Khánh	DH15OT			6.0		6.5	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	15154026	Thái Văn	Khánh	DH15OT			6.5		5.0	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
30	15154027	Lê Trịnh Bình	Khiêm	DH15OT			7.5		6.5	6.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
31	15154030	Nguyễn Duy	Linh	DH15OT			7.5		6.0	6.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
32	15154031	Nguyễn Hữu	Linh	DH15OT			6.5		4.0	5.0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02617

Bảng Ghi Điểm Thi

Bảng điểm đã chỉnh sửa

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi 001_DH15OT_01

Tên CBGD Lê Thanh Tuấn

Ngày Thi 10/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT			6.0		5,5	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
34	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT			7.0		2,5	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	15154035	Vương Quốc	DH15OT			7,5		7,5	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
36	15154036	Võ Khắc Hoàn	DH15OT			7,5		6,0	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
37	15154037	Huỳnh Trọng	DH15OT			6,5		5,5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
38	15154038	Đặng Thanh	DH15OT			6,0		4,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
39	15154039	Nguyễn Thanh	DH15OT			7,5		4,0	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT			7,0		1,0	3,4	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
41	15154042	Nguyễn Thanh	DH15OT			7,0		2,5	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	15154043	Đặng Hoàng	DH15OT			6,0		6,5	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
43	15154044	Nguyễn Võ Hoàng	DH15OT			7,0		4,5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
44	15154045	Trần	DH15OT			7,0		4,5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	15154046	Đào Tuấn	DH15OT			6,0		7,0	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
46	14154139	Lê Tấn	DH14OT			6,5		2,0	3,8	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
47	15154048	Nguyễn Phúc	DH15OT			7,5		3,0	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
48	14154049	Hoàng Ngọc	DH14OT			6,5		3,5	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02617

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bảng đã chỉnh sửa

Môn Thi **Lý thuyết Ôtô(207712)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH15OT_01**

Tổ Thi **001_DH15OT_01**

Tên CBGD **Lê Thanh Tuấn**

Ngày Thi **10/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15154051	Nguyễn Duy	Thái	DH15OT		7.0		5.0	5.8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
50	14154142	Trương Quang	Thanh	DH14OT		6.5		4.5	5.3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	14154051	Nguyễn Trọng	Thành	DH14OT		6.5		6.0	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	15154054	Nguyễn Văn	Thảo	DH15OT		7.0		2.0	4.0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	15154053	Sơn Ngọc	Thắng	DH15OT		7.0		2.0	4.0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	15154055	Lưu Thanh	Thiên	DH15OT		6.0		3.0	4.2	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
55	14154146	Nguyễn Trung	Thiên	DH14OT		6.5		2.0	3.8	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
56	15154057	Lê Minh	Thiện	DH15OT		7.5		3.5	4.9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
57	15154058	Lê Đoàn Trường	Thịnh	DH15OT		7.0		3.5	4.9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
58	14154059	Phạm Văn	Thức	DH14OT		6.5		3.5	4.7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
59	15154060	Nguyễn Công	Tinh	DH15OT		6.0		6.0	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
60	15154061	Lê Minh	Trí	DH15OT		7.5		3.0	4.8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
61	14154062	Nguyễn Thế	Trọng	DH14OT		6.5		2.5	4.1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
62	15154063	Hồ Nhật	Trường	DH15OT		6.5		2.5	4.1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
63	15154064	Mai Hoàng	Tuấn	DH15OT		6.0		2.5	3.9	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
64	15154065	Nguyễn Anh	Tuấn	DH15OT		7.5		5.0	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02617

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bảng đã chỉnh sửa

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi 001_DH15OT_01

Tên CBGD Lê Thanh Tuấn

Ngày Thi 10/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT			6.5		5.5	5.9	0012345678910	0123456789
66	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT			7.0		5.5	6.1	0012345678910	0123456789
67	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT			7.0		5.5	6.1	0012345678910	0123456789
68	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			6.5		5.0	5.6	0012345678910	0123456789
69	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT			6.0		5.0	5.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Lê Thanh Tuấn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập kỹ thuật lái xe (207721) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154002	Lê Thành An	DH16OT	<i>th</i>			8		8	001234567●910	●123456789
2	16154004	Trần Quốc An	DH16OT	<i>An</i>			8		8	001234567●910	●123456789
3	16154007	Nguyễn Tuấn Anh	DH16OT	<i>Anh</i>			7		7	00123456●8910	●123456789
4	16154009	Trương Lê Hoàng Bảo	DH16OT	<i>Bao</i>			9		9	0012345678●10	●123456789
5	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT	<i>chau</i>			7		7	00123456●8910	●123456789
6	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT	<i>Cuong</i>			8		8	001234567●910	●123456789
7	16154023	Lê Đại Dương	DH16OT	<i>Duong</i>			7		7	00123456●8910	●123456789
8	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT	<i>Dat</i>			7		7	00123456●8910	●123456789
9	16154017	Trần Quang Đạt	DH16OT	<i>Dat</i>			8		8	001234567●910	●123456789
10	16154019	Cao Văn Đồng	DH16OT	<i>Dong</i>			7		7	00123456●8910	●123456789
11	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT						✓	●0012345678910	0123456789
12	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT	<i>Duong</i>			8		8	001234567●910	●123456789
13	16154025	Trương Hoàng Giang	DH16OT	<i>Giang</i>			7		7	00123456●8910	●123456789
14	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT	<i>Ha</i>			8		8	001234567●910	●123456789
15	13154015	Nguyễn Tấn Hải	DH13OT	<i>Hai</i>			7		7	00123456●8910	●123456789
16	16154027	Ngô Trần Nhật Hào	DH16OT						✓	●0012345678910	0123456789
17	16154028	Trần Nhật Hào	DH16OT	<i>Hao</i>			8		8	001234567●910	●123456789
18	16154030	Yến Quốc Hào	DH16OT	<i>Hao</i>			8		8	001234567●910	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập kỹ thuật lái xe (207721) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16154026	Nguyễn Thế Hân	DH16OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	16154037	Trương Đức Hiệu	DH16OT				7		7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	16154044	Chu Phúc Huy	DH16OT				7		7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	16154046	Huỳnh Nhật Huy	DH16OT				7		7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	16154047	Lý Gia Huy	DH16OT						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT				7		7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	16154048	Nguyễn Phú Huy	DH16OT				7		7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	16154049	Nông Đình Huy	DH16OT				7		7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	16154050	Trần Quang Huy	DH16OT				9		9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	16154051	Vũ Văn Huy	DH16OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	16154043	Trần Tấn Hưng	DH16OT				9		9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	16154054	Nguyễn Trung Kiên	DH16OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	16154055	Y-Nững Knul	DH16OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	16154068	Phan Chí Nguyên	DH16OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	16154069	Nguyễn Ngọc Nhã	DH16OT				8		8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập kỹ thuật lái xe (207721) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16154073	Bùi Duy Phương	DH16OT	phuong			7		7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
38	16154077	Trần Ngọc Quế	DH16OT	Quế			9		9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
39	16154083	Nguyễn Xuân Sinh	DH16OT	Sinh			9		9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
40	16154084	Trần Khắc Sinh	DH16OT	Sinh			8		8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
41	16154089	Hồ Lê Quốc Thanh	DH16OT	Thanh			8		8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
42	16154094	Nguyễn Chí Thiện	DH16OT						✓	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
43	16154095	Văn Công Thiện	DH16OT	thien			7		7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
44	16154107	Trần Quang Tuấn	DH16OT	quang			7		7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
45	16154108	Nguyễn Hoàng Tùng	DH16OT							○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

Số lượng vắng:

Hiện diện:

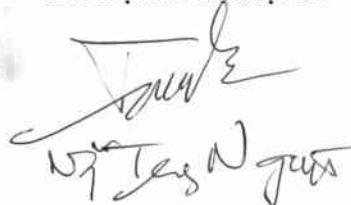
Cán bộ coi thi 1

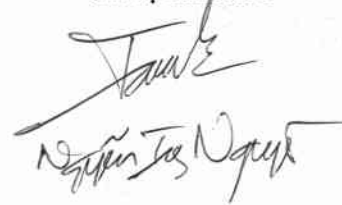
Cán bộ coi thi 2

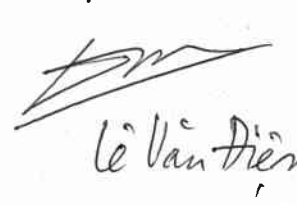
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên


Nguyễn Trịnh Nguyên


Lê Văn Điền